

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Số: 510 /NĐCP-KHĐTVT
V/v: Thư mời chào giá cung cấp vật tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cẩm Phả, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư điện phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025
- Số hiệu đơn hàng: 242/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (Có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

b. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất và các tiêu chí khác theo *Bảng Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn* đính kèm.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng (Không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật): Trong vòng 90 ngày đối với mục (35); 60 ngày đối với mục (5)-(12), mục (29); 45 ngày đối với mục (2)-(4), mục (13)-(15); 30 ngày đối với các mục còn lại kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký kết Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

c. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, sản xuất năm 2023 trở lại đây, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa, vật tư được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng như sau:

+ Với các mục hàng nhập khẩu:

++ Mục hàng (35): yêu cầu cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương.

++ Các vật tư có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên; hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm vật tư đó hơn 50 triệu đồng: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương.

+ Với các mục hàng còn lại: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có Các vật tư có đơn giá trên 10 triệu đồng: Cấp CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương của nhà sản xuất.

Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời (Bản chào giá không đáp ứng yêu cầu này được tính là không hợp lệ).

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm:

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

(Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật).

- Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc Đơn hàng trên.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá bao gồm: Đơn chào hàng, bảng chào giá (BCG - theo biểu mẫu đính kèm), Đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh hàng tương đương (nếu có).

- Ngôn ngữ trong chào giá: Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

- Hình thức nộp Hồ sơ chào giá: Báo giá được đóng trong phong bì kín có niêm phong của nhà cung cấp, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số .310./NĐCP-KHĐTVT ngày 17/01/2025**, được gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau (Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này):

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

2. Thời gian chào giá

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào ..giờ ..' ngày/./2025.

- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào ..giờ ..' ngày/./2025 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong thư mời bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở chào giá và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Hoàng Thị Thu Hương, phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; điện thoại: 0982 542 212

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, HTTH(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân

(Đính kèm thư mời chào giá số 340 /NĐCP-KHĐTVT ngày 17 tháng 01 năm 2025)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Ắt tô mát	1 chiều DZY1 B1 DC220V	Trung Quốc	Cái	4	
2.	Ắt tô mát	1 chiều DZY1 G10 DC220V	Trung Quốc	Cái	4	
3.	Ắt tô mát	DZY1 B1 AC220V	Trung Quốc	Cái	4	
4.	Ắt tô mát	IC65H-DC 2P+iSD C6A	Trung Quốc	Cái	4	
5.	Ắt tô mát	3 pha D4 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	7	
6.	Ắt tô mát	3 pha D10 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	4	
7.	Ắt tô mát	3 pha D16 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	10	
8.	Ắt tô mát	3 pha D1 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	7	
9.	Ắt tô mát	2 pha D10 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	6	
10.	Ắt tô mát	2 pha D16 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	10	
11.	Ắt tô mát	2 pha D2 dạng cài	Schneider/ Hungary	Cái	8	
12.	Ắt tô mát	2 pha D25 dạng cài	Schneider/ Pháp	Cái	10	
13.	Ắt tô mát	3 pha NSC100B, 40A	Schneider/ Trung Quốc	Cái	4	
14.	Ắt tô mát	3 pha NSC100B, 100A	Schneider/ Trung Quốc	Cái	4	
15.	Ắt tô mát	3 pha DZ108-20 (14÷20A)	Trung Quốc	Cái	2	
16.	Ắt tô mát	A9K24325 3 pha, 25A	Schneider/ Thái Lan	cái	4	
17.	Ắt tô mát	A9K24340 3 pha 40A, dạng cài	Schneider/ Bulgaria	Cái	10	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
18.	Ắt tô mát	A9N18367 3 pha 100A, dạng cài	Schneider/ Trung Quốc	Cái	10	
19.	Ắt tô mát	A9K24332 3 pha 32A, dạng cài	Schneider/ Thái Lan	Cái	4	
20.	Ắt tô mát	A9K24363 3 pha 63A, dạng cài	Schneider/ Bulgaria	Cái	8	
21.	Ắt tô mát	A9N18367 3 pha 100A, dạng cài	Schneider/ Trung Quốc	Cái	8	
22.	Ắt tô mát	A9K24463 3 pha 4 cực 63A, dạng cài	Schneider/ Bulgaria	Cái	6	
23.	Ắt tô mát	A9N18374 3 pha 4 cực 100A, dạng cài	Schneider/ Trung Quốc	Cái	6	
24.	Ắt tô mát	1 pha C16, dạng cài, BKJ63N 1P 16A	LS/ Trung Quốc	Cái	10	
25.	Ắt tô mát	A9K24340 3 pha 40A, dạng cài	Schneider/ Bulgaria	Cái	10	
26.	Ắt tô mát	BKJ63N 4P 63A 3 pha 4 cực C63, dạng cài	LS/ Trung Quốc	Cái	15	
27.	Ắt tô mát	A9N18367 3 pha 100A, dạng cài	Schneider/ Trung Quốc	Cái	5	
28.	Ắt tô mát	1 pha C16, dạng cài BKJ63N 1P 16A	LS/ Trung Quốc	Cái	10	
29.	Ắt tô mát (Cầu dao tự động)	ABB2P 6A10kADCS202M-K6U	ABB/ Trung Quốc	Cái	1	
30.	Ắt tô mát (cầu dao tự động) một chiều	C60H-DC; 6A-2P; 24-500VDC	Schneider/ Trung Quốc	Cái	4	
31.	Bóng đèn	Led Bulb TR140N1/50W E27	Rạng Đông/ Việt Nam	Cái	700	
32.	Bóng đèn	tuýp Led T8 120 18W (1,2m)	Rạng Đông/ Việt Nam	Cái	100	
33.	Bóng đèn	Đèn pha Led 200W CP06	Rạng Đông/ Việt Nam	Cái	10	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
34.	Bóng đèn trần vuông	ML203 12W 3000K (bóng đèn Molux)	Molux/ Việt Nam	Cái	20	
35.	Cảm biến nhiệt độ	dùng cho máy đo độ dẫn HI6321 Hanna (Đầu đo độ dẫn HI7631233)	Hana/ EU	Cái	1	
36.	Cáp điện	0,6/1kV CU/XLPE/PVC 3x16+1x10mm	Việt Nam	m	100	
37.	Cáp điện	0,6/1kV CU/XLPE/PVC 3x6+1x4	Việt Nam	m	100	
38.	Cầu chì	RT19-63/500V-100KA/16A/10x38	Việt Nam	Cái	10	
39.	Cầu đấu tủ điện	TB-1503, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
40.	Cầu đấu tủ điện	TB-1506, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
41.	Cầu đấu tủ điện	TB-1508, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
42.	Cầu đấu tủ điện	TB-1510, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
43.	Cầu đấu tủ điện	TB-1512, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
44.	Cầu đấu tủ điện	TB-2503, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
45.	Cầu đấu tủ điện	TB-2506, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
46.	Cầu đấu tủ điện	TB-2510, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
47.	Cầu đấu tủ điện	TB-2512, 600V, 15A	Việt Nam	Cái	10	
48.	Dây điện	2x2,5mm	Việt Nam	m	300	
49.	Đầu kẹp cọc bình ắc quy	(sử dụng cọc ắc quy từ 12-16mm)	Việt Nam	Bộ	16	
50.	Đèn trần	LED Panel 600x600/48W	Việt Nam	cái	20	
51.	Đui sứ	E27	Việt Nam	Cái	300	

Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn
(Đính kèm Thư mời chào giá số 310/NĐCP-KHĐTVT ngày 17/01/2025)

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
1.	Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương	- Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật - Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm: + Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; + Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật); + Bảng so sánh thông số kỹ thuật. (Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Bản sao được chứng thực	Đạt	
		Bản photocopy không có chứng thực	Không đạt	
3.	Thư chào hàng và biểu giá chào hàng	- Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Đạt	
		- Không do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Không chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Không đạt	

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
4.	Hiệu lực của Bản chào giá	≥ 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5.	Thời gian thanh toán	- Thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A ; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên - Không tạm ứng hợp đồng	Đạt	
		Tạm ứng hợp đồng hoặc không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
6.	Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Trong vòng 90 ngày đối với mục (35); 60 ngày đối với mục (5)-(12), mục (29); 45 ngày đối với mục (2)-(4), mục (13)-(15); 30 ngày đối với các mục còn lại	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
7.	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư bên mua	Đạt	
		Không giao hàng tại kho bên mua	Không đạt	
8.	Thời gian bảo hành (kể từ ngày ký BB kiểm nghiệm vật tư)	≥ 12 tháng	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
9.	Năm sản xuất hàng hóa	Sản xuất năm 2023 trở lại đây	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
10.	Chứng từ thanh toán kèm theo	- Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương khi giao hàng đối với mục số (35) và các mục hàng có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên; hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm vật tư đó hơn 50 triệu đồng (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam). - Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc. + Với các mục hàng còn lại: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có Các vật tư có đơn giá trên 10 triệu đồng: Cấp CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương của nhà sản xuất.	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(Ghi tên Nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng (Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là (Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định trong TMCG số(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).
4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gianngày (Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu), kể từ ngày(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

